

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2024

Về việc: "Ly hôn (không công nhận vợ chồng),
tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Phạm Xuân Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc: "Ly hôn (không công nhận vợ chồng), tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972.

ĐKKHKT: Thôn AH, xã QuTr, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: thôn AH, xã QuTr, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Đồng Xuân H, sinh năm: 1967.

ĐKKHKT và trú tại: Thôn AH, xã QuTr, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Đồng Xuân H không có đăng ký kết hôn. Sau thời gian tìm hiểu một năm, anh chị về chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 01/1993. Do không hiểu biết pháp luật nên cả hai không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến

năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự thông cảm, chia sẻ. Tình cảm giữa anh chị ngày càng xa cách và đã ly thân nhau được ba năm nay. Chị B đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2019, không ai còn quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt, không liên quan đến nhau. Đến nay, chị B xác định tình cảm giữa anh chị không còn, do anh chị không có đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án xử không công nhận chị và anh H là vợ chồng. Chị đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H thông qua anh trai anh H là anh Đồng Văn Đ. Anh Đ xác định: anh H đi làm cát, chỉ buổi tối muộn mới về nhà nên không thể đến Tòa án làm việc được và xin được giải quyết, xét xử vắng mặt anh H tại Tòa án. Anh nhận thay và cam đoan giao lại toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H và xác định đã giao đầy đủ các văn bản của Tòa án cho anh H. Anh H đã biết việc Tòa án thụ lý, triệu tập đến Tòa án làm việc theo đơn khởi kiện của chị B nhưng nhưng do bận công việc nên anh H không thể đến Tòa án làm việc được. Anh H nhất trí với các yêu cầu của chị B về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung. Chị B và anh H không đăng ký kết hôn. Sau thời gian tìm hiểu một năm, hai người về chung sống với nhau và về sống tại nhà bố mẹ anh H từ tháng 01/1993. Do không hiểu biết pháp luật nên hai gia đình chỉ tổ chức lễ cưới cho hai người mà không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tập trung kinh tế và hai người thiếu quan tâm đến nhau. Hai người đã ly thân được ba năm nay. Chị B về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai người không còn liên lạc với nhau. Nay, chị B đề nghị Tòa án không công nhận chị B và anh H là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H vẫn đăng ký hộ khẩu và trú tại địa phương còn chị B về thôn AH, xã QuTr, huyện TK sinh sống, cuộc sống chung của anh chị không cải thiện được. Về con chung, hai người có ba con chung, hiện nay, hai con lớn đã trưởng thành còn con nhỏ Đồng Nguyễn Trọng H, sinh ngày: 12/12/2017 đang ở với chị B. Anh H đi làm không ở nhà nên đề nghị Tòa án giao con chung Đồng Nguyễn Trọng H cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

Về con chung: chị B trình bày, chị và anh Đồng Xuân H có 03 con chung là Đồng Xuân H, sinh ngày: 14/4/1994; Đồng Thị Kiều O, sinh ngày: 28/9/2003 và Đồng Nguyễn Trọng H, sinh ngày: 12/12/2017. Hiện nay, con Đồng Xuân H và Đồng Thị Kiều O đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng con Đồng Nguyễn Trọng H cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị. Hiện nay, chị đang kinh doanh tự do, công việc ổn định, thu nhập trung bình

của chị được khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng; chị có chỗ ở ổn định do chị đã xây nhà và được bố mẹ để chị cho đất của bố mẹ chị tại thôn AH, xã QuTr, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Đến nay, bố mẹ để chị đã chết. Mẹ con chị có nhà ở ổn định, rộng rãi, đảm bảo đủ điều kiện cho chị nuôi dưỡng con tốt. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị cho chị được nuôi dưỡng con Đồng Nguyễn Trọng H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2024, cháu Đồng Nguyễn Trọng H, sinh ngày: 12/12/2017, có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung. Chị B không có tài sản riêng, về nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có nên chị Bích không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại phòng Tư pháp huyện TK thể hiện: hiện nay, phòng Tư Pháp huyện TK chỉ lưu Sổ Đăng ký kết hôn của một số xã trên địa bàn huyện TK từ năm 1996 trở lại đây. Còn từ năm 1996 trở về trước, phòng Tư Pháp huyện TK không lưu Sổ Đăng ký kết hôn của các xã trên địa bàn huyện TK. Do vậy, không thể cung cấp được thông tin về việc đăng ký kết hôn vào năm 1993 của chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972 và anh Đồng Xuân H, sinh năm: 1967 là công dân của thôn AH, xã QuTr, huyện TK, tỉnh Hải Dương, hiện, chị B đang cư trú tại thôn AH, xã QuTr, huyện TK, tỉnh Hải Dương cho Tòa án nhân dân huyện TK được. Đề nghị Tòa án liên hệ với Ủy ban nhân dân xã QuTr, huyện TK, tỉnh Hải Dương để được cung cấp thông tin và tài liệu kèm theo làm căn cứ giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã QuTr thể hiện: Tại Sổ đăng ký kết hôn năm 1992 và năm 1993 đang được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã QuTr, năm 1992: từ số thứ tự 1 ngày 08/01/1992 đến số thứ tự 49 ngày 30/12/1992 thêm số thứ tự 50 ngày 05/3/1992 là số cuối cùng của năm và năm 1993: từ số thứ tự 1 ngày 04/01/1993 đến số thứ tự 29 ngày 20/12/1993 là số cuối cùng của năm đều không có tên anh Đồng Xuân H và chị Nguyễn Thị B. Chị B và anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1993, sau đó, anh chị về chung sống với bố mẹ anh H tại thôn AH, xã QuTr, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân ba năm nay, chị B về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2019, hai người không còn quan tâm đến nhau. Chị B và anh H không có đăng ký kết hôn nên chị B đề nghị Tòa án xử không công nhận anh chị là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung như chị B và anh Đồng Văn Đ trình bày.

Công an xã QuTr, huyện TK xác định: hiện anh Đồng Xuân H có mặt và đang cư trú tại địa phương.

Tại Công văn số: 1896/QLXNC ngày 09/9/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hải Dương cung cấp: không có thông tin xuất nhập

cảnh của trường hợp Đồng Xuân H, sinh ngày: 04/4/1967; số CCCD 030067015444.

Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị: không công nhận chị và anh Đồng Xuân H là vợ chồng và giao con chung Đồng Nguyễn Trọng H cho chị nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: *Về quan hệ vợ chồng*: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Đồng Xuân H là vợ chồng. *Về con chung*: Con Đồng Xuân H, sinh ngày: 14/4/1994 và Đồng Thị Kiều O, sinh ngày: 28/9/2003 đã trưởng thành nên chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Đồng Nguyễn Trọng H, sinh ngày: 12/12/2017 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 09/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị B về việc không yêu cầu anh Đồng Xuân H cấp dưỡng nuôi con. Anh Đồng Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị B đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 11/9/2024. Tại phiên tòa ngày 11/9/2024, anh Đồng Xuân H vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 26/9/2024. Tại phiên tòa hôm nay, anh H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ vợ chồng*: chị Nguyễn Thị B và anh Đồng Xuân H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1993, nhưng từ đó đến thời điểm

hiện nay, hai anh chị không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, hai anh chị về sống chung với nhau như vợ chồng và sống hạnh phúc từ năm 1993 đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự thông cảm, chia sẻ. Tình cảm giữa anh chị ngày càng xa cách và đã ly thân nhau nhiều năm nay. Chị B đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2019, không ai còn quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt, không còn liên quan đến nhau. Nay, chị B đề nghị Tòa án xử không công nhận chị và anh H là vợ chồng, gia đình anh H cũng đồng ý với quan điểm của chị B và xác định tình cảm giữa anh chị không còn nên cần xử không công nhận anh chị là vợ chồng, chấm dứt quan hệ của anh chị theo quy định của pháp luật và chỉ giải quyết về quan hệ con chung của anh chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Vì vậy, cần xử không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Đồng Xuân H là vợ chồng là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Đối với con chung Đồng Xuân H, sinh ngày: 14/4/1994 và Đồng Thị Kiều O, sinh ngày: 28/9/2003 đã trưởng thành nên chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không phải giải quyết. Đối với con chung Đồng Nguyễn Trọng H, sinh ngày: 12/12/2017, chị B có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 09/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét chị Nguyễn Thị B có nơi ăn chốn ở, công việc tốt, nguyện vọng nuôi con của chị là chính đáng và cháu Đồng Nguyễn Trọng H có nguyện vọng được ở với mẹ, chị B tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên*: anh chị không có, chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Đồng Xuân H là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Đối với con Đồng Xuân H, sinh ngày: 14/4/1994 và Đồng Thị Kiều O, sinh ngày: 28/9/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Đồng Nguyễn Trọng H, sinh ngày: 12/12/2017 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 09/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị B về việc không yêu cầu anh Đồng Xuân H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đồng Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005621 ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK. Chị Nguyễn Thị B đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị B vắng mặt anh Đồng Xuân H. Chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh